TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/DS-ST
Ngày: 27 – 02 – 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Tuấn

2. Ông Trần Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 335/2025/TLST - DS ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Danh T, sinh ngày 20/9/1999 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau.
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Bằng L, sinh ngày 16/9/1986.
Địa chỉ: Ấp N, xã H, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh ngày 15/8/1987 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp N, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 7 năm 2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, ông Nguyễn Bằng L *là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:* Vào ngày 13 tháng 6 năm 2025, ông T có cho bà Nguyễn Thị Y vay số tiền 114.900.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Khi vay, có lập giấy xác nhận nhận nợ và bà Y có ký tên, lăn tay vào mục người mượn nợ. Tại giấy xác nhận nợ có ghi rõ nội dung trả lãi 30 ngày nhưng bà Y không thực hiện theo thỏa thuận. Ông T đã nhiều lần yêu cầu bà Y thanh toán nợ nhưng bà Y nói rõ là sẽ không thanh toán. Số tiền nợ là tài sản riêng của ông T và là nợ riêng của bà Y.

Vì vậy, ông T yêu cầu bà Y thanh toán cho ông T số tiền nợ gốc là 114.900.000 đồng và yêu cầu bà Y thanh toán tiền lãi tính từ ngày 13/6/2025 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 2%/tháng.

Ngày 19/11/2025, ông Nguyễn Bằng L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Danh T có văn bản xác định chỉ yêu cầu bà Y thanh toán cho ông T số tiền nợ gốc là 114.900.000 đồng và yêu cầu bà Y thanh toán tiền lãi tính từ ngày 13/6/2025 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,66%/tháng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn là bà Nguyễn Thị Y từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, bà Y đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà bà Y để tiến hành lấy lời khai nhưng không gặp bà Y nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của bà Y.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Bằng L trình bày: Ông T chỉ yêu cầu bà Y thanh toán số tiền nợ gốc là 114.900.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 13/6/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là 16.148.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành án theo quy định pháp luật. Ông Danh T xin rút phần yêu cầu bà Y thanh toán cho ông T số tiền lãi là 3.271.588 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Về tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc bà Y có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền nợ gốc là 114.900.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 27/02/2026 là 16.148.000 đồng và lãi chậm thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu bà Y thanh toán số tiền lãi là 3.271.588 đồng. Về án phí, bà Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 02 tháng 10 năm 2025, ông Danh T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị Y. Khi khởi kiện, bà Nguyễn Thị Y cư trú tại ấp N, xã N, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Y đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Y theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu buộc bà Y thanh toán số tiền lãi là 3.271.588 đồng. Việc người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là trong phạm vi uỷ quyền và hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Danh T về việc yêu cầu buộc bà Y thanh toán số tiền lãi là 3.271.588 đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Danh T về việc yêu cầu bà Y thanh toán số tiền nợ gốc là 114.900.000 đồng và số tiền lãi tạm tính đến ngày 27/02/2026 là 16.148.000 đồng.

[4.1] Quá trình giải quyết vụ án, ông Danh T có giao nộp cho Tòa án giấy xác nhận nợ đề ngày 13/6/2025 có chữ ký "Y" và chữ viết "Nguyễn Thị Y" tại mục người mượn nợ. Tại biên bản xác minh đề ngày 15/01/2026, ông Nguyễn Văn C là cha ruột của bà Nguyễn Thị Y xác định *"ông có liên hệ với bà* Y *để thông báo cho bà* Y *biết về nội dung ông* T *khởi kiện bà* Y *nhưng bà* Y *không có ý kiến và không về theo giấy mời của Tòa án. Ông* C *xác định về việc khoản nợ mà bà* Y *nợ ông* T *thì ông không rõ. Ngoài ra, Tòa án có cho ông xem giấy xác nhận nợ đề ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa ông* Danh T *và bà* Nguyễn Thị Y *thì ông xác định chữ ký ở mặt sau giấy xác nhận là chữ ký của bà* Nguyễn Thị Y*."*. Như vậy, có căn cứ xác định việc bà Y vay ông T số tiền 114.900.000 đồng vào ngày 13/6/2025 với lãi suất thỏa thuận 2%/tháng là có xảy ra trên thực tế.

[4.2] Về tiền lãi: Tại giấy xác nhận nợ có xác định nội dung hai bên thoả thuận lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên, mức lãi suất này vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết 01/2019/HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, mức lãi suất được điều chỉnh lại theo quy định pháp luật là 20%/năm, ông T yêu cầu mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Ông T yêu cầu bà Y thanh toán số tiền lãi từ ngày 13/6/2025 (dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/02/2026 với lãi suất là 1,66%/tháng với số tiền là 16.148.000 đồng và yêu cầu bà Y thanh toán lãi chậm thi hành án theo quy định pháp luật.

Tính từ ngày 13/6/2025 (dương lịch) đến ngày xét xử sở thẩm là 08 tháng 14 ngày nên số tiền lãi là 114.900.000 đồng x 1,66%/tháng x 08 tháng 14 ngày = 16.148.812 đồng. Như vậy, yêu cầu của ông T về tiền lãi là phù hợp quy định pháp luật.

Ông T xác định từ khi vay đến nay, bà Y chưa thanh toán nợ lãi và nợ gốc cho ông T. Như phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc bà Y thanh toán cho ông T số tiền nợ gốc là 114.900.000 đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày 27/02/2026 là 16.148.000 đồng. Kể từ ngày 28/02/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên bà Y phải chịu số tiền án phí là 6.552.400 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng án phí 2.873.000 đồng theo biên lai số 0001275 ngày 08/10/2025 được hoàn lại.

[6] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các điều 5, 9 và 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 1 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Danh T đối với bà Nguyễn Thị Y.

Buộc bà Nguyễn Thị Y có nghĩa vụ thanh toán cho ông Danh T số tiền nợ gốc là 114.900.000 đồng (một trăm mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng) và số tiền lãi tính đến ngày 27/02/2026 là 16.148.000 đồng (mười sáu triệu một tram bốn mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày 28/02/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Danh T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Y thanh toán số tiền lãi là 3.271.588 đồng (ba triệu hai trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm tám mươi tám đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị Y phải chịu số tiền án phí là 6.552.400 đồng (sáu triệu năm trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm đồng), nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau. Ông Danh T đã nộp tạm ứng án phí 2.873.000 đồng (hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số 0001275 ngày 08/10/2025, được hoàn lại tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 9 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 9 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thu